

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày 24 - 4 - 2019
“V/v tranh chấp HĐ mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Long.
2. Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 468/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST- DS ngày 05/4/2019, giữa các đương sự

Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1962. Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979. Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

Bà Trần Thị Lệ K, sinh năm 1981. Địa chỉ: xã C, huyện D, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Mai Thị T trình bày: Bà T là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp AB, do có quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Lệ K nên bà T đồng ý bán và cho ông M, bà K chậm thanh toán tiền mua phân và thuốc bảo vệ thực vật. Năm 2016, ông M và bà K nợ lại số tiền là 106.000.000 đồng chưa thanh toán. Đến vụ Đông xuân năm 2016 - 2017, ông M và bà K mua thiếu số tiền là 64.000.000 đồng. Ngày 15/5/2017, ông M có trả bà T 20.000.000 đồng. Ngày 14/8/2017, ông M và bà K tiếp tục mua và nợ thêm số tiền là 3.670.000 đồng. Ngày 02/10/2017, ông M có trả bà T 20.000.000 đồng, từ đó hai bên không còn mua bán với nhau, tổng số tiền mua hàng ông M và bà K còn nợ bà T là 133.670.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông M và bà K phải trả cho bà số tiền nợ gốc

nói trên, đồng thời yêu cầu ông M và bà K trả tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 1,5%/tháng. Trong đó số tiền nợ năm 2016 là 106.000.000 đồng tính lãi từ ngày 01/01/2017, số tiền còn lại là 27.670.000 tính lãi từ ngày 15/5/2017.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Lệ K trình bày: Năm 2016 và năm 2017 vợ chồng ông M, bà K có mua phân và thuốc bảo vệ thực vật của bà T, tổng số tiền mua hàng ông M và bà K còn nợ bà T là 133.670.000 đồng. Khi mua bán bà T đồng ý cho ông M, bà K được chậm trả tiền mua hàng và bên ông M phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất 1,5% tháng. Theo yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông M và bà K đồng ý trả số tiền gốc là 133.670.000 đồng, tiền lãi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi ông M và bà K thống nhất mốc thời gian bà T đưa ra. Ông M và bà K đề nghị bà T cho trả nợ dần vì không có khả năng thanh toán một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà Mai Thị T với ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Lệ K là tranh chấp hợp đồng mua bán. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo lời trình bày của các đương sự thì hợp đồng mua bán giữa bà T với ông M, bà K được giao kết và thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, đến khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực (ngày 01/01/2017) thì hợp đồng mua bán giữa các bên vẫn đang thực hiện, nội dung và hình thức của giao dịch phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu trả nợ của bà T: Từ năm 2016 đến tháng 8 năm 2017, vợ chồng ông M và bà K có mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng vật tư nông nghiệp Chín Hùng do bà T làm chủ. Bà T đồng ý cho ông M, bà K trả chậm tiền mua hàng đến cuối vụ mùa và bên ông M, bà K phải trả thêm tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất là 1,5% tháng. Ông M và bà K thừa nhận tính đến ngày 14/8/2017 ông bà còn nợ bà T số tiền là 133.670.000 đồng, từ đó đến nay hai bên không còn mua bán với nhau. Như vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông M và bà K trả số tiền nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Ông M, bà K thừa nhận hai bên thỏa thuận mức lãi suất do chậm thanh toán là 1,5% tháng, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà T yêu cầu ông M và bà K phải trả tiền lãi do chậm thanh toán đến khi ông M và bà K trả xong nợ với mức lãi suất là 1,5% tháng. Xét thấy mức lãi suất chậm thanh toán mà các bên đã thỏa thuận không vượt quá mức lãi quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Về thời gian tính lãi chậm trả, thấy rằng trong năm 2017 ông M và bà K mua thiếu bà T số

tiền là 67.670.000 đồng, ông M và bà K chỉ trả được 40.000.000 đồng, do đó chấp nhận yêu cầu của bà T về tính lãi chậm thanh toán, số tiền 106.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 01/01/2017 và số tiền còn lại là 27.670.000 tính lãi từ ngày 15/5/2017. Cụ thể tiền lãi ông M và bà K phải trả đến ngày xét xử sơ thẩm là

$106.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \text{ tháng} \times (27 \text{ tháng } 24 \text{ ngày}) = 44.202.000 \text{ đồng}.$

$27.670.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \text{ tháng} \times (23 \text{ tháng } 10 \text{ ngày}) = 9.684.500 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông M và bà K phải trả là 187.556.500 đồng.

Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy từ ngày 25/4/2019 cho đến khi thi hành án xong thì ông M và bà K còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 1,5% tháng.

[5] Ông M và bà K đề nghị bà T cho trả nợ dần nhưng bà T không đồng ý, do pháp luật không có quy định khác nên không thể cho ông M và bà K trả nợ dần.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông M và bà K phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền án phí ông M và bà K phải chịu là 9.377.800 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Mai Thị T đối với ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Lệ K.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Lệ K phải liên đới trả bà Mai Thị T số tiền nợ là 187.556.500 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

2. Kể từ ngày 25/4/2019 cho đến khi thi hành án xong thì ông M và bà K còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 1,5% tháng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Lê K phải liên đới chịu 9.377.800 đồng (Chín triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm đồng).

Hoàn trả bà Mai Thị T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn) theo biên lai số 0001551 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

4. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/4/2019.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Tiến